**TRƯỜNG PTDTNT ĐĂK MIL KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2016 - 2017**

**Môn: Địa lí Lớp: 9**

***Thời gian: 45’***

**MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Cộng |
| **Lao động và việc làm, chất lượng cuộc sống** | Biết đặc điểm nguồn lao động của nước ta | Giải thích việc làm đang là vấn đề gay gắt ở nước ta. | Nêu các giải pháp để giải quyết vấn đề việc làm. |  |
| *Số câu:*  *Số điểm:*  *Tỉ lệ:* | *1/3*  *2*  *20* | *1/3*  *1*  *10* | *1/3*  *1*  *10* | *1*  *4*  *40* |
| **Sự phát triển và phân bố nông nghiệp** | Biết đặc điểm của ngành trồng trọt của nước ta. |  | Kĩ năng vận dụng vào thực tiễn |  |
| *Số câu:*  *Số điểm:*  *Tỉ lệ:* | *1/2*  *1.5*  *15* | *-* | *½*  *1.5*  *15* | *1*  *3*  *30* |
| **Cơ cấu ngành nông nghiệp** |  |  | Kĩ năng xử lí số liệu, vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích. |  |
| *Số câu:*  *Số điểm:*  *Tỉ lệ:* |  |  | *1*  *3*  *30* | *1*  *3*  *30* |
| Tổng số câu  T/số điểm.  Tỉ lệ: % | ***1/3+1/2***  ***3.5***  ***35*** | ***1/3***  ***1***  ***10*** | ***1+1/2+1/3***  ***5.5***  ***55*** | ***3***  ***10***  ***100*** |

**TRƯỜNG PTDTNT ĐĂK MIL KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2016 - 2017**

**Môn: Địa lí Lớp: 9**

***Thời gian: 45’***

**ĐỀ**

**Câu 1:** Nước ta có nguồn lao động như thế nào? Tại sao việc làm đang là vấn đề gay gắt ở nước ta? Giải pháp để giải quyết vấn đề việc làm? (4 điểm)

**Câu 2:** Nêu đặc điểm các ngành chính trong sản xuất nông nghiệp? Địa phương ta ngành trồng trọt chủ yếu trồng loại cây gì? Những điều kiện thuận lợi để địa phương ta chủ yếu trồng loại cây đó?(3 điểm)

**Câu 3:** Cho bảng số liệu dưới đây : (3 điểm)

**Giá trị sản xuất nông nghiệp phân theo ngành của nước ta.**

Đơn vị: tỉ đồng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Trồng trọt** | **Chăn nuôi** | **Dịch vụ nông nghiệp** |
| **1990** | 16393,5 | 3701,0 | 572,0 |
| **1995** | 66793,8 | 16168,2 | 2545,6 |
| **1999** | 101648,0 | 23773,2 | 2995,0 |
| **2001** | 101403,1 | 25501,4 | 3273,1 |
| **2005** | 134754,5 | 45225,6 | 3362,3 |

Hãy :

a, Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp phân theo ngành của nước ta thời kì 1990 – 2005.

b, Nhận xét và giải thích về cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp trong thời kì nói trên.

**------------------------------------ HẾT----------------------------**

**TRƯỜNG PTDTNT ĐĂK MIL KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2016 - 2017**

**Môn: Địa lí Lớp: 9**

***Thời gian: 45’***

**ĐỀ**

**Câu 1:** Nước ta có nguồn lao động như thế nào? Tại sao việc làm đang là vấn đề gay gắt ở nước ta? Giải pháp để giải quyết vấn đề việc làm? (4 điểm)

**Câu 2:** Nêu đặc điểm các ngành chính trong sản xuất nông nghiệp? Địa phương ta ngành trồng trọt chủ yếu trồng loại cây gì? Những điều kiện thuận lợi để địa phương ta chủ yếu trồng loại cây đó?(3 điểm)

**Câu 3:** Cho bảng số liệu dưới đây : (3 điểm)

**Giá trị sản xuất nông nghiệp phân theo ngành của nước ta.**

Đơn vị: tỉ đồng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Trồng trọt** | **Chăn nuôi** | **Dịch vụ nông nghiệp** |
| **1990** | 16393,5 | 3701,0 | 572,0 |
| **1995** | 66793,8 | 16168,2 | 2545,6 |
| **1999** | 101648,0 | 23773,2 | 2995,0 |
| **2001** | 101403,1 | 25501,4 | 3273,1 |
| **2005** | 134754,5 | 45225,6 | 3362,3 |

Hãy :

a, Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp phân theo ngành của nước ta thời kì 1990 – 2005.

b, Nhận xét và giải thích về cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp trong thời kì nói trên.

**------------------------------------ HẾT----------------------------**

**TRƯỜNG PTDTNT ĐĂK MIL KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2016 - 2017**

**Môn: Địa lí Lớp: 9**

***Thời gian: 45’***

**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| Câu 1  (4 điểm) | \* Đặc điểm nguồn lao động:  + Nguồn lao động nước ta bao gồm những người trong trong độ tuổi lao động có khả năng lao động, có nghĩa vụ lao động và những người ngoài độ tuổi lao động trên nhưng vẫn tham gia lao động gọi là lao động dưới và trên độ tuổi.  + Năm 2003 nước ta có 41,3 triệu lao động trong đó khu vực thành thị chỉ chiếm 24,2 %, khu vực nông thôn chiếm 75,8 %.  + Số lao động nước ta qua đào tạo chỉ chiếm 21,2 % trong đó có 16,6 % có trình độ công nhân kĩ thuật và trung học chuyên nghiệp, số còn lại là cao đẳng đại học , trên đại học. Số chưa qua đào tạo chiếm 78,8 %.  + Lực lượng lao động nước ta dồi dào tăng nhanh , mỗi năm bình quân nước ta tăng thêm hơn 1 triệu lao động.  \* Việc làm đang là vấn đề gay gắt ở nước ta:  - Nguồn lao động dồi dào tăng nhanh trong điều kiện nền kinh tế chưa phát triển đã tạo nên sức ép lớn đối với vấn đề giải quyết việc làm ở nước ta hiện nay.  - Do đặc điểm của mùa vụ sản xuất nông nghiệp và sự phát triển ngành nghề ở nông thôn còn hạn chế nên tỉ lệ thời gian thiếu việc làm là nét đặc trưng ở nông thôn. Năm 2003 tỉ lệ thời gian làm việc được sư dụng ở nông thôn là 77,7 % . Vì vậy dân cư nông thôn bỏ ra thành phố tìm việc làm rất nhiều.  - Ở thành thị dân cư tập trung đông trong khi công nghiệp và dịch vụ chưa phát triển mạnh dẫn đến tình trạng thất nghiệp ở thành thị tương đối cao khoảng 6%.  \* Các giải pháp giải quyết việc làm:  - Phân bố lại dân cư và nguồn lao động  - Đẩy mạnh kế hoạch hoá gia đình  - Đối với nông thôn: Đa dạng hoá kinh tế nông thôn. Khôi phục lại các ngành nghề thủ công truyền thống: mây tre đan, mộc, khảm trai, thêu ren…  - Đối với thành thị: Phát triển các hoạt động công nghiệp, dịch vụ. | 0,5  0,5  0,5  0,5  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| Câu 2  (3 điểm) | \* Đặc điểm các ngành chính trong sản xuất nông nghiệp:  *Ngành trồng trọt:*  - Cây lương thực: bao gồm lúa và các loại cây hoa màu như ngô, khoai, sắn. Trong đó lúa là cây lương thực chính.  - Ngày nay nước ta đang thoát khỏi tình trạng độc canh cây lúa. Phát triển đa dạng các loại cây trồng.  - Cây công nghiệp: đẩy mạnh trồng cây công nghiệp tạo ra sản phẩm có giá trị xuất khẩu cao và cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Đặc biệt cây công nghiệp lâu năm.  - 1 số vùng tập trung nhiều các loại cây công nghiệp như : Tây Nguyên; Đông Nam Bộ…  - Cây ăn quả: vùng trồng cây ăn quả lớn nhất nước ta tập trung ở đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.  *Ngành chăn nuôi*:  - Chăn nuôi trâu bò: Để lấy sức kéo, thịt, sữa. Được nuôi nhiều ở duyên hải Nam Trung Bộ  - Chăn nuôi lợn: Được phát triển nhanh chủ yếu lấy thịt, được nuôi nhiều ở các vùng đồng bằng  - Chăn nuôi gia cầm: Được phát triển ở vùng đồng bằng, lấy trứng, thịt.  \* Những sản phẩm nông nghiệp ở địa phương:  \* Nêu được thuận lợi về tài nguyên đất, khí hậu, địa hình, nguồn nước,… | 1  0,5  0.5  1 |
| Câu 3  (3 điểm) | a. Vẽ biểu đồ :  \* Xử lí số liệu :  **Giá trị sản xuất nông nghiệp phân theo ngành ở nước ta**.  Đơn vị : %   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **Trồng trọt** | **Chăn nuôi** | **Dịch vụ nông nghiệp** | | **1990** | 79,3 | 17,9 | 2,8 | | **1995** | 78,1 | 18,9 | 3,0 | | **1999** | 79,2 | 18,5 | 2,3 | | **2001** | 77,9 | 19,6 | 2,5 | | **2005** | 73,5 | 24,7 | 1,8 |     \* Vẽ biểu đồ :  - Vẽ biểu đồ miền.  - Yêu cầu : Biểu đồ có đầy đủ tên biểu đồ, bảng chú giải, các kí hiệu, nếu thiếu 1 cái trừ 0,25 điểm.  b. Nhận xét và giải thích :  \* Nhận xét :  - Trong nông nghiệp ngành trồng trọt luôn chiếm tỉ trọng cao nhất. Tỉ trọng của dịch vụ nông nghiệp thấp nhất. ( năm 2005 : trồng trọt chiếm 73,5%, dịch vụ nông nghiệp chỉ 1,8%)  - Từ 1990 đến 2005 tỉ trọng nghành trồng trọt có xu hướng giảm, tỉ trọng nghành chăn nuôi có xu hướng tăng.  \* giải thích :  - Ngành trồng trọt là nghành truyền thống trong nông nghiệp, nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi cho nghành trồng trọt phát triển nên nghành trồng trọt luôn chiếm tỉ trọng cao nhất trong các nghành nông nghiệp.  - Hiện nay, nghành chăn nuôi đang được đầu tư phát triển rất mạnh mẽ nên tỉ trọng của nghành chăn nuôi trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp có xu hướng tăng. | 1  0.5  0.5  0.5  0.5 |

**I. Phần trắc nghiệm (4 điểm):**

***Mỗi ý đúng được 0.25điểm.***

Câu 1: Việt Nam là một quốc gia có nhiều dân tộc, có tất cả:

A. 45 dân tộc B. 48 dân tộc C. 54 dân tộc D. 58 dân tộc.

Câu 2: Các dân tộc ít người phân bố chủ yếu ở đâu?

A. Trung du B. Cao nguyên và vùng núi

C. Đồng bằng D. Gần cửa sông

Câu 3: Việt Nam đã trải qua giai đoạn bùng nổ dân số trong giai đoạn:

A. Từ những năm 50 đến hết thế kỷ XX B. Trừ 1945 đến 1954

C. Từ 1945 trở về trước D. Từ năm 2000 đến nay.

Câu 4: Trong giai đoạn hiện nay, tỷ lệ sinh giảm là do:

A. Nhà Nước không cho sinh nhiều B. Tâm lý trọng nam khinh nữ không còn

C. Số phụ nữ trong độ tuổi sinh sản giảm D. Thực hiện tốt kế hoạch hoá gia đình.

Câu 5: Nguồn lao động bao gồm những đối tượng nào?

A. Dưới tuổi lao động ( Từ 0 – 14 tuổi ) B. Trong tuổi lao động (Từ 15 – 59 tuổi)

C. Quá tuổi lao động ( Từ 59 tuổi trở lên ) D. Trong và quá tuổi lao động.

Câu 6: Nền kinh tế nước ta bước vào giai đoạn đổi mới từ khi nào?

A. 1930 B. 1945 C. 1975 D. 1986

Câu 7: Điều kiện tự nhiên ảnh hưởng sâu sắc đến thời vụ là:

A. Đất trồng B. Nguồn nước tưới

C. Khí hậu D. Giống cây trồng.

Câu 8: Ngành công nghiệp năng lượng phát triển mạnh nhất ở Quảng Ninh là:

A. Than B. Hoá dầu

C. Nhiệt điện, D. Thuỷ điện.

Câu 9: Ngành đánh bắt thuỷ hải sản nước ta còn hạn chế là do:

A. Thiên nhiên nhiều thiên tai B. Ngư dân ngại đánh bắt xa bờ.

C. Thiếu vốn đầu tư D. Môi trường bị ô nhiễm, suy thoái

Câu 10: Sự đổi mới nền kinh tế biểu hiện qua việc tăng mạnh tỷ trọng:

A. Nông nghiệp B. Công nghiệp – xây dựng

C. Dịch vụ D. Công nghiệp.

Câu 11: Loại cây trồng nào sau đây không được xếp vào nhóm cây công nghiệp?

A. Đậu tương B. Ca cao

C. Mía D. Đậu xanh.

Câu 12: Biện pháp quan trọng hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp nước ta là:

A. Chọn lọc lai tạo giống B. Sử dụng phân bón thích hợp

C. Tăng cường thuỷ lợi D. Cải tạo đất, mở rộng diện tích.

Câu 13: Các loại cây công nghiệp lâu năm như cà phê, cao su được trồng nhiều ở đâu?

A. Tây Nguyên B. Trung Du Bắc Bộ

C. Đông Nam Bộ D. Đồng bằng Sông Cửu Long.

Câu 14: Ngành chăn nuôi nước ta hiện nay nhằm mục đích:

A. Phục vụ xuất khẩu B. Lấy sức kéo và phân bón

C. Lấy thịt, trứng, sữa D. Tất cả các mục đích trên.

Câu 15: Những quần đảo nào trực thuộc vùng Duyên hải Nam trung bộ?

A. Hoàng Sa B. Trường Sa

C. Cả Hoàng Sa và Trường Sa. D. Phú Quốc

Câu 16: Điểm đặc biệt nhất về vị trí của Tây Nguyên là:

A. Giáp 2 quốc gia B. Địa hình cao

C. Không giáp biển D. Đất Feralit.

**II. Phần tự luận (6 điểm):**

**Câu 1:** Nước ta có nguồn lao động như thế nào? Tại sao việc làm đang là vấn đề gay gắt ở nước ta? Giải pháp để giải quyết vấn đề việc làm? (3 điểm)

**Câu 2:** Nêu đặc điểm các ngành chính trong sản xuất nông nghiệp? (1 điểm)

**Câu 3:** Cho bảng số liệu: (2 điểm)

**Giá trị sản xuất nông nghiệp phân theo ngành ở nước ta**.

Đơn vị : %

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Trồng trọt** | **Chăn nuôi** | **Dịch vụ nông nghiệp** |
| **1990** | 79,3 | 17,9 | 2,8 |
| **1995** | 78,1 | 18,9 | 3,0 |
| **1999** | 79,2 | 18,5 | 2,3 |
| **2001** | 77,9 | 19,6 | 2,5 |
| **2005** | 73,5 | 24,7 | 1,8 |

a. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp phân theo ngành của nước ta thời kì 1990 - 2005.

b. Nhận xét và giải thích về cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp trong thời kì nói trên.

**TRƯỜNG PTDTNT ĐĂK MIL KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2016 - 2017**

**Môn: Địa lí Lớp: 9**

***Thời gian: 45’***

**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**

**I. Phần trắc nghiệm (4 điểm).**

*Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| C | B | A | D | B | D | C | A |
| **Đ/A** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| B | B | D | C | A | B | C | C |

**II. Phần tự luận (6 điểm):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| Câu 1  (3 điểm) | \* Đặc điểm nguồn lao động:  + Nguồn lao động nước ta bao gồm những người trong trong độ tuổi lao động ( Nước ta quy định nam từ 15 – 60, nữ từ 15- 55 tuổi) có khả năng lao động, có nghĩa vụ lao động và những người ngoài độ tuổi lao động trên nhưng vẫn tham gia lao động gọi là lao động dưới và trên độ tuổi.  + Năm 2003 nước ta có 41,3 triệu lao động trong đó khu vực thành thị chỉ chiếm 24,2 %, khu vực nông thôn chiếm 75,8 %.  + Số lao động nước ta qua đào tạo chỉ chiếm 21,2 % trong đó có 16,6 % có trình độ công nhân kĩ thuật và trung học chuyên nghiệp, số còn lại là cao đẳng đại học , trên đại học. Số chưa qua đào tạo chiếm 78,8 %.  + Lực lượng lao động nước ta dồi dào tăng nhanh , mỗi năm bình quân nước ta tăng thêm hơn 1 triệu lao động.  \* Việc làm đang là vấn đề gay gắt ở nước ta:  - Nguồn lao động dồi dào tăng nhanh trong điều kiện nền kinh tế chưa phát triển đã tạo nên sức ép lớn đối với vấn đề giải quyết việc làm ở nước ta hiện nay.  - Do đặc điểm của mùa vụ sản xuất nông nghiệp và sự phát triển ngành nghề ở nông thôn còn hạn chế nên tỉ lệ thời gian thiếu việc làm là nét đặc trưng ở nông thôn. Năm 2003 tỉ lệ thời gian làm việc được sư dụng ở nông thôn là 77,7 % . Vì vậy dân cư nông thôn bỏ ra thành phố tìm việc làm rất nhiều.  - Ở thành thị dân cư tập trung đông trong khi công nghiệp và dịch vụ chưa phát triển mạnh dẫn đến tình trạng thất nghiệp ở thành thị tương đối cao khoảng 6%.  \* Các giải pháp giải quyết việc làm:  - Phân bố lại dân cư và nguồn lao động giữa các vùng để vừa tạo thêm việc làm vừa khai thác tốt hơn tiềm năng của mỗi vùng. Tây Nguyên, Đông Nam Bộ đã tiếp nhận hàng chục vạn lao động đến xây dựng kinh tế mới.  - Đẩy mạnh kế hoạch hoá gia đình giảm sự gia tăng dân số để đi đến cân đối giữa quy mô nguồn lao động với khả năng thu hút lao động của nền kinh tế .  - Đối với nông thôn: Đa dạng hoá kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá, chú trọng phát triển kinh tế hộ gia đình. Khôi phục lại các ngành nghề thủ công truyền thống: mây tre đan, mộc, khảm trai, thêu ren…  - Đối với thành thị: Phát triển các hoạt động công nghiệp, dịch vụ  - Đa dạng hoá các loại hình đào tạo đẩy mạnh hoạt động hướng nghiệp  - Đẩy mạnh xuất khẩu lao động thu ngoại tệ. | 0,5  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| Câu 2  (1 điểm) | Đặc điểm các ngành chính trong sản xuất nông nghiệp:  *Ngành trồng trọt:*  - Cây lương thực: bao gồm lúa và các loại cây hoa màu như ngô, khoai, sắn. Trong đó lúa là cây lương thực chính.  - Ngày nay nước ta đang thoát khỏi tình trạng độc canh cây lúa. Phát triển đa dạng các loại cây trồng.  - Cây công nghiệp: đẩy mạnh trồng cây công nghiệp tạo ra sản phẩm có giá trị xuất khẩu cao và cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Đặc biệt cây công nghiệp lâu năm.  - 1 số vùng tập trung nhiều các loại cây công nghiệp như : Tây Nguyên; Đông Nam Bộ…  - Cây ăn quả: vùng trồng cây ăn quả lớn nhất nước ta tập trung ở đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.  *Ngành chăn nuôi*:  - Chăn nuôi trâu bò: Để lấy sức kéo, thịt, sữa. Được nuôi nhiều ở duyên hải Nam Trung Bộ  - Chăn nuôi lợn: Được phát triển nhanh chủ yếu lấy thịt, được nuôi nhiều ở các vùng đồng bằng  - Chăn nuôi gia cầm: Được phát triển ở vùng đồng bằng, lấy trứng, thịt. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| Câu 3  (2 điểm) | \* Vẽ biểu đồ :  - Vẽ biểu đồ miền.  - Yêu cầu : Biểu đồ có đầy đủ tên biểu đồ, bảng chú giải, các kí hiệu, nếu thiếu 1 cái trừ 0,25 điểm.  b, Nhận xét và giải thích :  \* Nhận xét :  - Trong nông nghiệp ngành trồng trọt luôn chiếm tỉ trọng cao nhất. Tỉ trọng của dịch vụ nông nghiệp thấp nhất. ( năm 2005 : trồng trọt chiếm 73,5%, dịch vụ nông nghiệp chỉ 1,8%)  - Từ 1990 đến 2005 tỉ trọng nghành trồng trọt có xu hướng giảm, tỉ trọng nghành chăn nuôi có xu hướng tăng.  \* giải thích :  - Ngành trồng trọt là nghành truyền thống trong nông nghiệp, nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi cho nghành trồng trọt phát triển nên nghành trồng trọt luôn chiếm tỉ trọng cao nhất trong các nghành nông nghiệp.  - Hiện nay, nghành chăn nuôi đang được đầu tư phát triển rất mạnh mẽ nên tỉ trọng của nghành chăn nuôi trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp có xu hướng tăng. | 1  0,25  0,25  0,25  0,25 |

**TRƯỜNG PTDTNT ĐĂK MIL KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2019 - 2020**

**Môn: Địa lí Lớp: 9**

***Thời gian: 45’***

**MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | **Cộng** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng cấp độ thấp** | |  |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |  |
| **Địa lí dân cư** | Một số đặc điểm về dân số nước ta.  Biết đặc điểm nguồn lao động của nước ta | | Hiểu về tình trạng việc làm của nước ta.  Giải thích việc làm đang là vấn đề gay gắt ở nước ta. | |  |  |  |
| Số câu:  Số điểm:  Tỉ lệ %: | 1  0.25  2.5% | 1/2  1  10% | 1  0.25  2.5% | 1/2  1  10% |  |  | 2  0.5đ  5% |
| **Các ngành kinh tế** | Nhận biết được các ngành kinh tế của nước ta.  Biết đặc điểm của ngành trồng trọt của nước ta. | |  |  | Kĩ năng vận dụng vào thực tiễn | |  |
| Số câu:  Số điểm:  Tỉ lệ %: | 2  0.5đ  5% |  |  |  | 2  0.5đ  5% |  | 2  1.0đ  10% |
| **Các vùng kinh tế** | Biết vị trí, giới hạn, biết được đặc điểm dân cư, xã hội... các vùng đã học | | Trình bày được đặc điểm TN-TNTN của vùng ĐB S. Hồng | |  |  |  |
| Số câu:  Số điểm:  Tỉ lệ %: | 2  0.5đ  5% |  |  | 1  2  20% |  |  | 2  1.0đ  10% |
| **Thực hành- rèn kĩ năng** |  |  |  |  | Kĩ năng xử lí số liệu, vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích. | |  |
| Số câu:  Số điểm:  Tỉ lệ %: |  |  |  |  |  | 1  2đ  20% | 2  1.0đ  10% |
| **Tổng số câu:**  **Tổng số điểm:**  **Tỉ lệ %:** |  |  |  |  |  |  |  |

**TRƯỜNG PTDTNT ĐĂK MIL KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2019 - 2020**

**Môn: Địa lí Lớp: 9**

***Thời gian: 45’***

**ĐỀ**

***Phần I: Trắc nghiệm (3đ)*** *Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.*

***Câu 1: Dân số nước ta đến năm 2007 là***

A.79.7 triệu người ; B. 85,17 triệu người ; C. 86.7 triệu người ; D. 87 triệu người

***Câu 2: Hoạt động kinh tế chủ yếu của các dân tộc miền núi***

A. Nghề rừng, trồng cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi gia súc.

B. Sản xuất lương thực, cây công nghiệp.

C. Trồng cây công nghiệp hàng năm, đánh bắt nuôi trồng thuỷ sản.

D. Sản xuất công nghiệp, thương mại.

***Câu 3: Ngành công nghiệp khai khoáng và sản xuất vật liệu xây dựng là ngành công nghiệp quan trọng hàng đầu của vùng***

A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Bắc Trung Bộ. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

***Câu 4: Các phân ngành chính của công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm là***

A. Chế biến sản phẩm từ lâm nghiệp B. Chế biến sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản ...

C. Chế biến sản phẩm chăn nuôi. D. Chế biến thủy sản, thực phẩm đông lạnh.

***Câu 5: Sự chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp ở nhiều vùng khó khăn, chủ yếu là do***

A. Thời tiết thất thường.

B. Một số chính sách ở địa phương còn chưa phù hợp với thực tế.

C. Cơ sở vật chất – kĩ thuật trong nông nghiệp chưa đáp ứng đủ nhu cầu.

D. Sức mua của thị trường trong nước còn hạn chế.

***Câu 6: Tài nguyên quý giá nhất của đồng bằng sông Hồng là***

A. Tài nguyên biển. B. Đất phù sa châu thổ.

C. Nguồn nước khoáng. D.Các loại khoáng sản.

***Câu 7. Vùng có năng suất lúa cao nhất nước ta thuộc vùng***

A.Đồng bằng sông Hồng. B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Duyên Hải Nam Trung Bộ

***Câu 8.*** ***Loại đất thích hợp nhất để phát triển các vùng tập trung cây công nghiệp lâu năm ở nước ta***

A. Đất phù sa ở đồng bằng. B. Đất feralit ở trung du và miền núi.

C. Đất xám bạc màu phù sa cổ ở Đông Nam Bộ. D. Đất phèn, mặn Đồng bằng sông Cửu Long

***Câu 9. Ở nhiều nước đang phát triển, tỉ trọng của các nghành dịch vụ trong cơ cấu GDP còn thấp do***

A. Cơ sở hạ tầng kĩ thuật của ngành dịch vụ còn kém phát triển.

B. Công nghiệp, nông nghiệp có tốc độ tăng trưởng mạnh hơn dịch vụ.

C. Tập trung nhiều vào việc phát triển nông nghiệp, công nghiệp

D.Mức sống nhân dân còn thấp.

***Câu 10. Loại hình vận tải vận chuyển được một khối lượng hàng hoá lớn nhất ở nước ta là***

A.Đường sắt B. Đường sông

C. Đường bộ D. Đường biển.

***Câu 11. ý nào sau đây không thuộc về thành tựu của chất lượng cuộc sống ở nước ta?***

A. Tỉ lệ người lớn biết chữ cao.

B. Mức thu nhập bình quân trên đầu người cao.

C. Chất lượng cuộc sống khác nhau giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn.

D. Tuổi thọ trung bình ngày càng tăng, tỉ lệ tử vong trẻ em ngày càng giảm.

***Câu 12. Điều kiện quyết định sự phát triển của nghành nông nghiệp nước ta là***

A.Địa hình, khí hậu C. Khí hậu

B. Dân cư và nguồn lao động D.Nước và tài nguyên sinh vật.

***Phần II: Tự luận (7đ)***

**Câu 1:** (2 điểm) Nước ta có nguồn lao động như thế nào? Tại sao việc làm đang là vấn đề gay gắt ở nước ta?

**Câu 2:** (2 điểm) Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng đồng bằng Sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn đối với sự phát triển kinh tế-xã hội ?

**Câu 3:** (3 điểm) Dựa vào bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2002)

(nghìn tấn)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Bắc Trung Bộ | Duyên hải Nam Trung Bộ |
| Nuôi trồng | 38.8 | 27.6 |
| Khai thác | 153.7 | 493.5 |

a/ Tính tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ so với toàn vùng Duyên hải miền Trung ( gồm 2 vùng trên).

b/ Vẽ biểu đồ.

c/ So sánh và giải thích sản lượng thủy sản của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

**TRƯỜNG PTDTNT ĐĂK MIL KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2019 - 2020**

**Môn: Địa lí Lớp: 9**

***Thời gian: 45’***

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần 1: Trắc nghiệm (3đ)** *Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| **Đ/A** | B | A | C | B | D | B | A | C | D | C | C | B |

***Phần II: Tự luận (7đ)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| Câu 1  (2 điểm) | \* Đặc điểm nguồn lao động:  + Nguồn lao động nước ta bao gồm những người trong trong độ tuổi lao động ( Nước ta quy định nam từ 15 – 60, nữ từ 15- 55 tuổi) có khả năng lao động, có nghĩa vụ lao động và những người ngoài độ tuổi lao động trên nhưng vẫn tham gia lao động gọi là lao động dưới và trên độ tuổi.  + Năm 2003 nước ta có 41,3 triệu lao động trong đó khu vực thành thị chỉ chiếm 24,2 %, khu vực nông thôn chiếm 75,8 %.  + Số lao động nước ta qua đào tạo chỉ chiếm 21,2 % trong đó có 16,6 % có trình độ công nhân kĩ thuật và trung học chuyên nghiệp, số còn lại là cao đẳng đại học, trên đại học. Số chưa qua đào tạo chiếm 78,8 %.  + Lực lượng lao động nước ta dồi dào tăng nhanh, mỗi năm bình quân nước ta tăng thêm hơn 1 triệu lao động.  \* Việc làm đang là vấn đề gay gắt ở nước ta:  - Nguồn lao động dồi dào tăng nhanh trong điều kiện nền kinh tế chưa phát triển đã tạo nên sức ép lớn đối với vấn đề giải quyết việc làm ở nước ta hiện nay.  - Do đặc điểm của mùa vụ sản xuất nông nghiệp và sự phát triển ngành nghề ở nông thôn còn hạn chế nên tỉ lệ thời gian thiếu việc làm là nét đặc trưng ở nông thôn. Năm 2003 tỉ lệ thời gian làm việc được sư dụng ở nông thôn là 77,7 % . Vì vậy dân cư nông thôn bỏ ra thành phố tìm việc làm rất nhiều.  - Ở thành thị dân cư tập trung đông trong khi công nghiệp và dịch vụ chưa phát triển mạnh dẫn đến tình trạng thất nghiệp ở thành thị tương đối cao khoảng 6%. | 0,5  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  **0,25** |
| Câu 2  (2 điểm) | \*Thuận lợi:  - Địa hình: là đồng bằng châu thổ do sông Hồng bồi đắp.  - Nguồn nước dồi dào  - Khí hậu: nhiệt đới ẩm, có mùa đông lạnh thuận lợi trồng cây ưa lạnh phát triển vụ đông thành vụ sản xuất chính, thâm canh tăng vụ .  - Đất phù sa màu mỡ, khí hậu, thủy văn tốt thích hợp thâm canh cây lúa nước.  - Khoáng sản có giá trị như: đá vôi, than nâu, khí tự nhiên  - Ven biển và biển thuận lợi nuôi trồng, đánh bắt thủy sản và phát triển du lịch  \*Khó khăn: Thiên tai (bão lũ lụt, thời tiết thất thường, sâu bệnh, nấm mốc...)  Ít tài nguyên khoáng sản . | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| Câu 3  (3 điểm) | a/ Xử lý số liệu:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Bắc Trung Bộ | Duyên hải Nam Trung Bộ | | Nuôi trồng | 58.8% | 41.5% | | Khai thác | 23.7% | 76.3% |   b/ Vẽ biểu đồ cột (chồng, thường) thể hiện thủy sản ở 2 vùng  Vẽ đẹp, đúng, có chú thích, tên bản đồ  c/ So sánh – giải thích  So sánh  - Bắc Trung Bộ nuôi trồng nhiều hơn Duyên hải Nam Trung Bộ  - Duyên hải Nam Trung Bộ khai thác nhiều hơn Bắc Trung Bộ 3 lần  Giải thích:  - Ven biển Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều bãi tôm cá lớn, người dân có kinh nghiệm đánh bắt  - Ven biển Bắc Trung Bộ có nhiều vũng, vịnh, đầm, phá thuận lợi nuôi trồng thủy sản, người dân có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản | **0,5**  **1,5**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |